

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT SINH DO CHẬM THANH TOÁN TRONG HỢP ĐỒNG DÂN SỰ VÀ THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Duy Phương*, Nguyễn Thanh Tùng**

Bài viết nêu bật tính cần thiết phải nghiên cứu các tranh chấp về hợp đồng dân sự, thương mại và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về vấn đề yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán, từ đó góp phần tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết loại tranh chấp phổ biến này.

Từ khóa: chậm thanh toán; yêu cầu trả tiền lãi; hợp đồng dân sự, thương mại

Ngày nay, các tranh chấp về hợp đồng dân sự, thương mại ngày càng trở nên phổ biến, đa dạng, đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền phải giải quyết một cách triệt để, đúng đắn, khách quan, kịp thời. Một trong số các loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến hiện nay là vấn đề yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán (thường xuất hiện trong hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ...). Thực tiễn giải quyết loại tranh chấp này tại Tòa án trong thời gian qua cho thấy, ở nhiều bản án còn có nhiều quan điểm khác nhau trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án; cơ quan tài phán gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc vận dụng các quy định hiện hành trong quá trình giải quyết tranh chấp. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng trên là vấn đề này chưa được pháp luật quy định rõ, đặc biệt là có nhiều quy định mâu thuẫn nhau như: chưa thống nhất trong việc quy định mức lãi chậm trả; thời điểm bắt đầu chịu lãi chậm trả; khoảng thời gian chịu lãi chậm trả và vấn đề có được sử dụng cùng một lúc biện pháp yêu cầu bồi thường thiệt hại với biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán.

1. Một số vướng mắc trong việc áp dụng biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán tại Việt Nam

Trong phạm vi bài viết, các tác giả chỉ nghiên cứu vấn đề yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán ở các hợp đồng dân sự, thương mại thông thường mà không đề cập về các hợp đồng dân sự, thương mại có ít nhất một bên chủ thể hợp đồng là tổ chức tín dụng, do đã có văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh riêng.

Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự (BLDS) 2005 quy định: “*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Cùng với đó, Điều 306 Luật thương mại (LTM) 2005 cũng quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Khi áp dụng Khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 và Điều 306 LTM 2005, có thể nhận thấy việc áp dụng biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán ở Việt Nam không yêu cầu các bên phải có thỏa thuận trước trong hợp đồng và pháp luật cũng không bắt buộc bên bị vi phạm phải chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra. Điều này có nghĩa là một khi có hành vi vi phạm về nghĩa vụ thanh toán một khoản tiền xảy ra thì bên bị vi phạm có quyền khởi kiện yêu cầu cơ quan tài phán áp dụng biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán mà không cần quan tâm đến việc có hay không có thỏa thuận yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán và có thiệt hại xảy ra hay không, mức thiệt hại là bao nhiêu. Điểm này cũng tương đồng với Khoản 2 Điều 1153 Bộ luật Dân sự Pháp, theo đó bên có quyền được quyền yêu cầu bên kia trả tiền

lãi trên số tiền chậm thanh toán mà không cần chứng minh có thiệt hại gì.

Tuy nhiên, hiện nay, trong thực tiễn xét xử các vụ án liên quan đến vấn đề này, nhiều cơ quan tài phán còn có những cách hiểu khác nhau, dẫn đến tình trạng mỗi nơi có các cách áp dụng các điều luật liên quan đến vấn đề yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán khác nhau, cụ thể như sau:

1.1. Bất cập về mức lãi chậm trả

Theo Khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 và Điều 306 LTM 2005 chúng ta có thể nhận thấy pháp luật cho phép có hai mức lãi chậm trả, đó là mức lãi chậm trả do pháp luật quy định và mức lãi chậm trả do các bên tự thỏa thuận. Trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến mức lãi chậm trả do pháp luật quy định.

Ở mức lãi chậm trả do pháp luật quy định, đã có sự khác nhau giữa mức lãi chậm trả được quy định trong BLDS 2005 và LTM 2005. Mức lãi chậm trả trong Bộ luật Dân sự được xác định theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, còn mức lãi chậm trả trong Luật Thương mại được xác định theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Hai mức lãi suất này đã bộc lộ rõ bất cập khi áp dụng vào thực tế như sau:

1.1.1. Bất cập về quy định mức lãi chậm trả được xác định theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Điều Khoản 2 Điều 305 BLDS này đã dẫn đến nhiều trường hợp bên có nghĩa vụ thanh toán cố tình chậm thanh toán và họ sẵn sàng chấp nhận trả lãi chậm trả vì mức lãi suất này thấp hơn nhiều so với mức lãi suất mà họ phải chịu khi đi vay tiền của ngân hàng để về trả nợ. Bởi lẽ, lãi suất cơ bản là lãi suất do Ngân hàng Nhà nước ấn định và có thể thay đổi theo thời gian, được các ngân hàng sử dụng làm cơ sở để ấn định mức lãi suất kinh doanh của mình. Thông thường, các ngân hàng khi ấn định mức lãi suất cho vay của mình thường đưa ra mức lãi suất lớn hơn mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, miễn sao là mức lãi suất đó không vượt quá 150% lãi suất cơ bản (Khoản 1 Điều 476BLDS). Ví dụ: A mua của B lô hàng trị giá 500 triệu đồng. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán tiền hàng thì A không trả được. Sau đó, B kiện A ra tòa và yêu cầu A thanh toán tiền hàng và phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Ở vụ án này, giá sử mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm đó là 09%/năm, do đó ngoài thị trường các ngân hàng thương mại có thể cho vay ở mức lãi suất 13.5%/1 năm. Đáng lẽ A có thể đi vay ngân hàng để trả nợ cho B nhưng A đã không làm điều đó và sẵn

sàng chấp nhận thanh toán lãi trên số tiền chậm trả vì mức lãi suất này thấp hơn đến 4.5%/năm so với mức lãi suất khi A đi vay. Rõ ràng trong trường hợp này bên bị vi phạm sẽ bị thiệt thòi, còn bên chậm thực hiện nghĩa vụ lại được hưởng lợi, đây là điều hết sức vô lý.

1.1.2. Bất cập của quy định bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán

Tuy nhiên, khi áp dụng Điều 306 LTM này trong thực tế thì mỗi Tòa án lại có những cách hiểu và cách làm rất khác nhau. Một số tòa án thì lấy số liệu từ tất cả các ngân hàng thương mại trên thị trường để tính, một số tòa án lại chỉ lấy số liệu từ một số ngân hàng thương mại đóng tại địa phương nơi xảy ra tranh chấp, trong khi có một số tòa án lại áp dụng theo lãi suất liên ngân hàng. Mặt khác, không ít các bản án không nêu rõ hội đồng xét xử đã lấy số liệu từ những ngân hàng cụ thể nào mà chỉ nêu chung chung là “sau khi tham khảo lãi suất nợ quá hạn tại một số ngân hàng thương mại trên địa bàn thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là...”. Nghiêm trọng hơn, có tòa án lại căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố, trong khi trên thực tế hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã không còn thẩm quyền ấn định lãi suất nợ quá hạn. Mặt khác, Điều 306 LTM không hề quy định tính mức lãi này theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố. Do đó, có thể tòa án đã tự đưa ra mức lãi suất nợ quá hạn theo ý chí chủ quan của mình, gây tổn hại cho các bên tranh chấp. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do chưa có cách hiểu thống nhất về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là như thế nào, phạm vi của “thị trường” ở đây nên hiểu là chỉ tính trên địa bàn xảy ra tranh chấp hay ở phạm vi rộng hơn.

1.2. Bất cập về thời điểm bắt đầu chịu lãi chậm trả

Hiện có khá nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Có quan điểm cho rằng nên bắt đầu tính kể từ ngày hết hạn thanh toán, một số quan điểm khác thì cho rằng nên bắt đầu tính kể từ ngày bên bị vi phạm khởi kiện, bên cạnh đó cũng có một số quan điểm khác lại tính từ ngày bên bị vi phạm có yêu cầu thanh toán (dù trước đó trong hợp đồng đã có thỏa thuận ngày thanh toán, tuy nhiên bên có quyền đã không yêu cầu thanh toán vào ngày đó như đã thỏa thuận mà tự thay đổi sang một mốc thời điểm khác muộn hơn so với thỏa thuận trước đó). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do BLDS 2005 lẫn LTM 2005 chưa thật sự quy định rõ về vấn đề này mà chỉ mới đưa ra khoảng thời gian để tính lãi chậm

trả là “*trương ứng với thời gian chậm trả*”. Trong khi đó, theo khoản 1 Điều 7.4.9 Bộ Nguyên tắc thống nhất về hợp đồng của UNIDROIT thì thời điểm này được bắt đầu tính “*từ thời điểm thanh toán đến hạn*.” Mặc dù khoản 1 Điều 286 BLDS có quy định việc một bên bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ khi chưa thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ “*khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết*”, nhưng vấn đề là chúng ta có thể xem đây là thời điểm bắt đầu tính lãi để áp dụng quy định này vào việc giải quyết các vụ án dân sự lẫn thương mại hay không. Hiện nay, vấn đề này còn đang bỏ ngõ vì chưa có văn bản nào quy định cụ thể (Đỗ Văn Đại, 2010).

1.3. Bất cập về khoảng thời gian chịu lãi chậm trả

Việc xác định đúng khoảng thời gian chịu lãi có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bên bị vi phạm, bởi trên thực tế bên vi phạm thường cố tình dấy đưa kéo dài thời gian thanh toán ngay cả khi đã có phán quyết có hiệu lực của cơ quan tài phán. Khoảng thời gian chịu lãi chậm trả được xác định kể từ thời điểm bắt đầu được tính lãi cho đến thời điểm thi hành xong bản án. Mặc dù Khoản 2 Điều 305 BLDS và Điều 306 LTM đã thống nhất quy định việc tính lãi chậm trả sẽ được tính “*trương ứng trên thời gian chậm trả*”, tức là ngày nào bên có nghĩa vụ còn chưa trả tiền thì vẫn còn tính lãi chậm trả cho đến ngày đó. Tuy nhiên, không ít bản án lại bỏ sót một khoảng thời gian bên vi phạm phải chịu lãi chậm trả, ví dụ như không tính lãi chậm trả từ thời điểm kết thúc xét xử cho đến khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính từ thời điểm nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án. (TAND huyện Long Thành, 2009); (TAND TP Hồ Chí Minh, 2007, 2008).

1.4. Bất cập về vấn đề sử dụng kết hợp cùng một lúc biện pháp yêu cầu bồi thường thiệt hại với biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán

Một số quan điểm cho rằng không được kết hợp vì thực chất việc yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán cũng chính nhằm bù đắp thiệt hại xảy ra cho bên bị vi phạm và điều này có cùng bản chất với biện pháp bồi thường thiệt hại, nên chỉ được áp dụng một trong hai biện pháp vì hai biện pháp này chỉ là một. Quan điểm khác lại cho rằng, dù có phân giống nhau giữa hai biện pháp này song việc chậm thanh toán không phải bao giờ cũng thực sự gây ra thiệt hại trên thực tế và pháp luật cũng không bắt buộc bên bị vi phạm phải chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra khi áp dụng biện pháp này.

Trong khi đó, biện pháp bồi thường thiệt hại chỉ được áp dụng khi có thiệt hại thực tế xảy ra và bên bị vi phạm phải chứng minh được điều này, do đó hai biện pháp này là khác nhau và có thể áp dụng cả hai cùng một lúc. Chính sự khác nhau trong cách nghĩ này đã khiến các cơ quan tài phán không tránh khỏi phân vân khi gặp phải tình huống này, trong khi BLDS lẫn LTM không quy định rõ về vấn đề này. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 9.580 Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng đã cho phép kết hợp cả hai biện pháp này khi quy định “*bên có quyền còn có thể được bồi thường đối với những thiệt hại khác*”. Đồng thời, khoản 3 Điều 7.4.9 Bộ Nguyên tắc thực hành hợp đồng của UNIDROIT cũng quy định “*bên có quyền ngoài ra còn được quyền yêu cầu bồi thường cho mọi thiệt hại có liên quan*”.

2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán

Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán tại Việt Nam, tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

2.1. Cần thống nhất quy định về biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán trong một văn bản luật duy nhất là Bộ luật Dân sự

Không nên quy định riêng rẽ trong hai văn bản luật (BLDS và LTM) với nội dung không thống nhất như hiện nay nhằm giúp nâng cao tính nhất quán, đồng bộ trong việc áp dụng pháp luật. Bởi vì, hợp đồng thương mại hiện nay ngoài việc chịu sự điều chỉnh của LTM 2005 thì cũng phải chịu sự điều chỉnh của BLDS 2005 và vai trò của BLDS 2005 hiện nay cũng được biết đến như là một luật chung điều chỉnh khá nhiều quan hệ xã hội khác nhau (ngoại trừ những quan hệ xã hội đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh đầy đủ, cụ thể). Mặt khác, dù là hợp đồng dân sự hay hợp đồng thương mại thì đối với loại tranh chấp mà tác giả đã đề cập ở trên nó cũng chỉ có chung một mục đích, một tính chất là yêu cầu bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán (Nguyễn Thị Dung, 2008).

2.2. Về mức lãi chậm trả

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm sửa đổi các quy định của pháp luật hiện hành về mức lãi chậm trả, trong đó thống nhất quy định mức lãi chậm trả chung (áp dụng cho cả hợp đồng dân sự lẫn thương mại) để tránh tình trạng mỗi tòa án áp dụng mỗi mức khác nhau như hiện nay. Theo đó, cần ấn định mức lãi chậm trả được tính bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, có như thế mới hợp lý hợp tình bởi nó vừa đủ sức răn

đe đối bên vi phạm nghĩa vụ, tránh tình trạng chây ì, cố tình kéo dài thời gian thanh toán vừa cũng là mức lãi suất phù hợp với bên có nghĩa vụ khi họ đã tìm đủ mọi cách để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng họ thật sự không đủ khả năng thực hiện (Đỗ Văn Đại, 2010).

2.3. Về thời điểm bắt đầu tính lãi

Thời điểm bắt đầu tính lãi nên được xác định từ thời điểm “*thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết*”. Điều này cũng phù hợp với Điều 7.4.9 Bộ nguyên tắc của UNIDROIT khi quy định thời điểm bắt đầu tính lãi là “*từ thời điểm thanh toán đến hạn*” và Điều 9.580 Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng khi quy định thời điểm bắt đầu tính lãi là “*ngày đến hạn*”.

2.4. Về khoảng thời gian chịu lãi chậm trả

Khoảng thời gian chịu lãi chậm trả cần được tính bắt đầu kể từ thời điểm thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết cho đến thời điểm bên có nghĩa vụ thi hành

xong phán quyết của cơ quan tài phán.

2.5. Về vấn đề sử dụng kết hợp cùng một lúc biện pháp yêu cầu bồi thường thiệt hại với biện pháp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán

Theo quan điểm của tác giả, chúng ta có thể áp dụng đồng thời cả hai biện pháp này vì đây là hai biện pháp khác nhau do căn cứ để áp dụng chúng hoàn toàn khác nhau. Đối với biện pháp yêu cầu trả tiền lãi chậm trả, pháp luật không bắt buộc bên bị vi phạm phải chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra khi áp dụng biện pháp này. Trong khi đó, biện pháp bồi thường thiệt hại chỉ được áp dụng khi có thiệt hại thực tế xảy ra và bên bị vi phạm phải chứng minh được điều này. Hơn nữa, pháp luật nước ta không có quy định nào nghiêm cấm việc áp dụng đồng thời cả hai biện pháp này trên thực tế. Điều này cũng phù hợp với pháp luật quốc tế như đã phân tích ở trên. □

Tài liệu tham khảo:

Bản án số 29/2009/KDTM-ST ngày 22/9/2009 của TAND huyện Long Thành, Đồng Nai và *Bản án số 1623/2007/KDTM-ST* ngày 06/9/2007 của TAND TP Hồ Chí Minh; *Bản án số 801/2008/KDTM-ST* ngày 3/6/2008 của TAND TP Hồ Chí Minh

Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2010.

Nguyễn Thị Dung (chủ biên), *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2008.

Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2005), *Bộ Luật Dân sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2005), *Luật Thương mại*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

Some related issues arising from late payment in the civil and commercial contracts in Vietnam

Abstract:

This article highlights the need to analyse disputes over civil and commercial contracts and provides some recommendations to improve the provisions of law on late payment to remove obstacles in the dispute resolution in Vietnam.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Duy Phương**, tiến sĩ

- Nơi công tác: Đại học Huế

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Pháp luật hành chính, kinh tế

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình: *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Quản lý nhà nước, thanh tra, pháp luật và phát triển, Tạp chí Dân chủ và pháp luật*

Email: duyphuongluat@yahoo.com.vn

****Nguyễn Thanh Tùng**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Khoa Luật, Đại học Huế

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Luật thương mại

Email: thanhtung179@gmail.com